

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
LIÊN CHI HỘI KHOA VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026

- 1. Tên hoạt động:** LCH VL-VLKT_ Thanh Niên khỏe 2025
- 2. Thời gian tổ chức:** 27/11/2025 – 03/12/2025
- 3. Địa điểm tổ chức:** Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM
- 4. Thông tin người phụ trách:** Nguyễn Nhật Đăng – Liên chi Hội trưởng (0949216448).

4. Danh sách sinh viên tham gia:

STT	MSSV	Họ và tên	Khoa
1	25247011	Nguyễn Thái Bảo	Hóa học
2	25247024	Nguyễn Sinh Hùng	Hóa học
3	24127130	Trần Minh Tiến	Công nghệ thông tin
4	24127485	Trịnh Tấn Phát	Công nghệ thông tin
5	24127128	Nguyễn Cao Thông	Công nghệ thông tin
6	24127104	Dư Hoài Phúc	Công nghệ thông tin
7	24127347	Tạ Đức Dũng	Công nghệ thông tin
8	24127008	Trương Nhật Phát	Công nghệ thông tin
9	24127069	Thái Kiệt	Công nghệ thông tin
10	24127167	Nguyễn Đăng Hậu	Công nghệ thông tin
11	24127105	Huỳnh Thanh Phúc	Công nghệ thông tin
12	24127120	Nguyễn Diệp Thân	Công nghệ thông tin
13	24127159	Nguyễn Võ Tấn Duy	Công nghệ thông tin
14	24127171	Huỳnh Thái Hoàng	Công nghệ thông tin
15	24127016	Võ Nguyễn Vân Anh	Công nghệ thông tin
16	23247010	Trần Hoàng Sơn	Hóa học
17	24127090	Lê Trần Nguyên Ngọc	Công nghệ thông tin
18	23247081	Lê Đức Lợi	Hóa học
19	23247130	Lý Trần Thảo Vy	Hóa học
20	23125092	Nguyễn Đức Thịnh	Công nghệ thông tin
21	24127031	Trần Lê Hải	Công nghệ thông tin
22	25247018	Trương Ngọc Hân	Hóa học
23	25247102	Nguyễn Bá Thuần Anh	Hóa học
24	25177061	Huỳnh Minh Tiến	Môi trường
25	25177059	Long Hoàng Minh Thuận	Môi trường
26	25247092	Nguyễn Ngọc Thảo Trang	Hóa học

27	24127272	Lý Huỳnh Minh Đăng	Công nghệ thông tin
28	24127238	Ngô Huỳnh Thẩm	Công nghệ thông tin
29	25127215	Lâm Yến Ngọc	Công nghệ thông tin
30	25127464	Nguyễn Kim Phúc	Công nghệ thông tin
31	25127070	Lê Quang Khải	Công nghệ thông tin
32	25127020	Nguyễn Phi Bảo Bình	Công nghệ thông tin
33	25127236	Nguyễn Lý Thành Tài	Công nghệ thông tin
34	25127371	Tô Hoàng Khang	Công nghệ thông tin
35	25127055	Vương Quốc Hưng	Công nghệ thông tin
36	25127386	Trần Nguyễn Anh Khoa	Công nghệ thông tin
37	25127456	Nguyễn Huỳnh Nguyên Phú	Công nghệ thông tin
38	25127019	Nguyễn Mai Hương Bình	Công nghệ thông tin
39	23130010	Nguyễn Nhật Đăng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
40	23260052	Âu Trí Viễn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
41	25137074	Lê Thị Tuyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
42	25137090	Nguyễn Thị Thiên An	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
43	23260002	Nguyễn Ngọc Phương Dung	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
44	23130020	Lê Đặng Gia Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
45	25127489	Đỗ Thanh Sơn	Công nghệ thông tin
46	24127025	Lê Minh Đức	Công nghệ thông tin
47	24127244	Phạm Tấn Nhật Thịnh	Công nghệ thông tin
48	24127287	Trần Anh Kiệt	Công nghệ thông tin
49	23127240	Phan Trung Nhựt	Công nghệ thông tin
50	24125010	Cao Quảng Hưng	Công nghệ thông tin
51	24125062	Dương Gia Khương	Công nghệ thông tin
52	24125079	Trần Đình Quốc Thắng	Công nghệ thông tin
53	25127200	Võ Nguyễn Nhất Huy	Công nghệ thông tin
54	24125072	Nguyễn Hoàng Thuận Phát	Công nghệ thông tin
55	24125034	Đặng Trần Tuấn Khôi	Công nghệ thông tin
56	24125021	Bùi Nguyễn Đức Trọng	Công nghệ thông tin
57	24125015	Phạm Hữu Nam	Công nghệ thông tin
58	25127128	Nguyễn Nhật Quang	Công nghệ thông tin
59	24125002	Đoàn Tuấn Anh	Công nghệ thông tin
60	24125057	Trần Đặng Lê Huy	Công nghệ thông tin
61	25137022	Chúc Gia Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
62	25137061	Nguyễn Hoàng Thái	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
63	25127181	Nguyễn Lê Gia Bảo	Công nghệ thông tin
64	25137060	Trần Minh Tài	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật

65	24125082	Võ Nguyễn Minh Triết	Công nghệ thông tin
66	22147114	Nguyễn Lâm Quỳnh	Hóa học
67	24125001	Lê Nguyễn Hữu An	Công nghệ thông tin
68	22247082	Liêu Thị Huỳnh Như	Hóa học
69	24125030	Nguyễn Thanh Hữu	Công nghệ thông tin
70	25127321	Nguyễn Hồng Hải	Công nghệ thông tin
71	24125054	Đỗ Mạnh Cường	Công nghệ thông tin
72	24125101	Nguyễn Công Kiên	Công nghệ thông tin
73	25127474	Nguyễn Trung Quân	Công nghệ thông tin
74	25127295	Trần Tiến Đạt	Công nghệ thông tin
75	25127244	Nguyễn Minh Trí	Công nghệ thông tin
76	25197006	Đặng Minh Hào	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
77	25197016	Âu Dương Đức Lễ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
78	23127017	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	Công nghệ thông tin
79	25197023	Quách Lập Phong	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
80	25137023	Huỳnh Công Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
81	25137075	Nguyễn Hoàng Việt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
82	25137047	Nguyễn Hoàng Nam	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
83	25137040	Nguyễn Hữu Liêm	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
84	25137083	Trần Nguyễn Xuân Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
85	25137036	Trần Nhân Kiệt	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
86	24147059	Nguyễn Thị Bích Hậu	Hóa học
87	22147177	Nguyễn Trung Lộc	Hóa học
88	25137128	Lê Minh Phương	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
89	22260001	Lê Tuấn Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
90	25137135	Hồ Bảo Thiên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
91	25137057	Thái Bảo Quyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
92	23187041	Trần Nguyễn Khánh An	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
93	22147169	Nguyễn Thị Bích	Hóa học
94	25207104	Phạm Hữu Long	Điện tử - Viễn thông
95	23187129	Phạm Thị Tuyết Anh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
96	24207067	Lê Quốc Bảo	Điện tử - Viễn thông
97	24207086	Lê Thanh Danh	Điện tử - Viễn thông
98	24147126	Trần Hoàng Anh Thư	Hóa học

99	24147124	Lương Thị Anh Thư	Hóa học
100	24147084	Nguyễn Phạm Phương Linh	Hóa học
101	24147130	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Hóa học
102	24260001	Hoàng Hải Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
103	25187046	Tạ Vi Bảo Ngọc	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
104	25127176	Hồ Ngọc Như Ý	Công nghệ thông tin
105	25127018	Nguyễn Phúc Gia Bảo	Công nghệ thông tin
106	25127110	Trần Thị Thảo Nguyên	Công nghệ thông tin
107	25127327	Huỳnh Nguyễn Thế Hiển	Công nghệ thông tin
108	25127381	Nguyễn Sanh Khoa	Công nghệ thông tin
109	25127225	Huỳnh Phát	Công nghệ thông tin
110	25127021	Trần Văn Cao	Công nghệ thông tin
111	25127455	Trần An Phong	Công nghệ thông tin
112	25127419	Lê Vĩnh Gia Minh	Công nghệ thông tin
113	25127349	Nguyễn Đức Huy	Công nghệ thông tin
114	24125069	Huỳnh Khánh Minh	Công nghệ thông tin
115	24127459	Trần Văn Nam	Công nghệ thông tin
116	24125035	Trần Phạm Long Nghĩa	Công nghệ thông tin
117	24125016	Hoàng Đức Hưng Phát	Công nghệ thông tin
118	24125008	Nguyễn Gia Hào	Công nghệ thông tin
119	25230031	Trần Ngọc Bảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
120	25125041	Phạm Tiến Dũng	Công nghệ thông tin
121	25125043	Nguyễn Quang Hiếu	Công nghệ thông tin
122	25125039	Nguyễn Lê Trần	Công nghệ thông tin
123	25125004	Trần Ngọc Tuấn Anh	Công nghệ thông tin
124	25125018	Nguyễn Minh Khang	Công nghệ thông tin
125	25125031	Hoàng Thiện Nhân	Công nghệ thông tin
126	25125063	Phan Quỳnh Quyền	Công nghệ thông tin
127	25125059	Trần Thành Lợi	Công nghệ thông tin
128	25125020	Trần Phúc Khánh	Công nghệ thông tin
129	25125034	Trần Quyết Thắng	Công nghệ thông tin
130	25125062	Đặng Xuân Phát	Công nghệ thông tin
131	25137080	Nguyễn Lâm Thúy An	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
132	24127041	Hoàng Trung Hiếu	Công nghệ thông tin
133	24127349	Nguyễn Quốc Dương	Công nghệ thông tin
134	24127195	Nguyễn Gia Kiệt	Công nghệ thông tin
135	24127082	Phan Lê Anh Minh	Công nghệ thông tin
136	24137100	Đặng Huỳnh Khánh Tân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
137	24137096	Lê Phúc Trí	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật

138	24137073	Vũ Hoàng Minh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
139	25137046	Tăng Trần Quang Minh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
140	24137082	Lưu Hoàng Phúc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
141	25127224	Châu Hòa Phát	Công nghệ thông tin
142	22247124	Võ Thị Thủy Tiên	Hóa học
143	25125079	Nguyễn Quốc Bảo	Công nghệ thông tin
144	25127068	Trần Nhật Huy	Công nghệ thông tin
145	25127025	Trần Kiên Cường	Công nghệ thông tin
146	25127323	Vũ Thanh Hải	Công nghệ thông tin
147	25125040	Lê Hồng Đăng	Công nghệ thông tin
148	22247075	Nguyễn Huỳnh Minh Ngọc	Hóa học
149	22247024	Trần Văn Đước	Hóa học
150	22247068	Nguyễn Lê Kim Ngân	Hóa học
151	24260070	Tạ Thị Như Xuân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
152	22247126	Tôn Thất Tiến	Hóa học
153	24125102	Trần Tôn Minh Kỳ	Công nghệ thông tin
154	24125092	Quách Thiên Lạc	Công nghệ thông tin
155	23207006	Nguyễn Hoàng Khang	Điện tử - Viễn thông
156	23207029	Trần Thành Thịnh	Điện tử - Viễn thông
157	23207016	Nguyễn Minh Quân	Điện tử - Viễn thông
158	23207042	Huỳnh Tấn Đạt	Điện tử - Viễn thông
159	23127065	Ngô Nguyễn Thế Khoa	Công nghệ thông tin
160	24127022	Phạm Tấn Đạt	Công nghệ thông tin
161	23157015	Đỗ Ngọc Phương Trâm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
162	21157067	Lê Hào Minh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
163	24127574	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Công nghệ thông tin
164	24127365	Trần Lê Thu Hiền	Công nghệ thông tin
165	23127478	Trần Ngọc Thành	Công nghệ thông tin
166	25137129	Nguyễn Vũ Anh Quân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
167	23127347	Huỳnh Minh Đoàn	Công nghệ thông tin
168	24127311	Nguyễn Hải Trọng	Công nghệ thông tin
169	24125019	Nguyễn Chí Tính	Công nghệ thông tin
170	25137042	Nguyễn Thành Luân	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
171	25247114	Nguyễn Huy Hoàng	Hóa học
172	25187159	Đoàn Huỳnh Trâm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
173	25137026	Nguyễn Quốc Gia Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật

174	25187109	Nguyễn Thị Diệu Tâm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
175	23120023	Nguyễn Thái Bảo	Công nghệ thông tin
176	25187113	Dương Huỳnh Ngọc Trâm	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
177	22130103	Trần Nguyễn Anh Minh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
178	22130155	Hoàng Chí Sĩ	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
179	22130170	Hồ Tấn Thông	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
180	25137009	Võ Thiên Bình	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
181	22130140	Nguyễn Thiên Phúc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
182	22130040	Cao Khánh Duy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
183	22130126	Trần Nguyễn Thanh Nguyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
184	22130053	Nguyễn Thái Hòa	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
185	25127465	Nguyễn Tấn Phúc	Công nghệ thông tin
186	25127417	Đặng Quang Minh	Công nghệ thông tin
187	22130092	Vũ Mạnh Lộc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
188	25127238	Hoàng Nhật Thi	Công nghệ thông tin
189	25250044	Vũ Ngọc Nga	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
190	23207044	Nguyễn Văn Đạt	Điện tử - Viễn thông
191	25230009	Võ Đăng Khôi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
192	25250067	Đinh Tấn Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
193	25127040	Nguyễn Bá Duy	Công nghệ thông tin
194	25125065	Bùi Viết Thành	Công nghệ thông tin
195	25137002	Nguyễn Hoàng Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
196	22140075	Huỳnh Văn Hữu	Hóa học
197	21140454	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Hóa học
198	25197010	Nguyễn Quốc Khải	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
199	24127467	Huỳnh Duy Nguyên	Công nghệ thông tin
200	24127011	Nguyễn Tuấn An	Công nghệ thông tin
201	24127054	Trần Thuận Khang	Công nghệ thông tin
202	25197033	Võ Minh Trí	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
203	25197062	Phan Đức Tiến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
204	24187062	Trần Duy	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học

205	24187095	Phạm Ngọc Tây Âu	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
206	25127284	Vũ Huỳnh Gia Bảo	Công nghệ thông tin
207	25137131	Lê Phú Quý	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
208	25137051	Đặng Nguyễn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
209	25137106	Nguyễn Đức Hoàng Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
210	25137018	Nguyễn Hiến	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
211	25137019	Vũ Bùi Minh Hiếu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
212	25207086	Huỳnh Đình Đăng	Điện tử - Viễn thông
213	24207087	Đỗ Hoàng Đạt	Điện tử - Viễn thông
214	22125049	Huỳnh Hà Phương Linh	Công nghệ thông tin
215	24127368	Hoàng Hữu Hiệp	Công nghệ thông tin
216	24127319	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	Công nghệ thông tin
217	24127042	Tạ Hoàng Duy Hiếu	Công nghệ thông tin
218	25247142	Phạm Thị Như Quỳnh	Hóa học
219	25247019	Nguyễn Thu Hiền	Hóa học
220	22147075	Nguyễn Lê Vi Na	Hóa học
221	23147046	Trần Ngọc Phương Anh	Hóa học
222	25137094	Đặng Chí Bảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
223	25190086	Đỗ Phạm Ngọc Tuấn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
224	25130061	Hà Phạm Nguyên Khôi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
225	25137029	Bùi Hoàng Kha	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
226	25137062	Nguyễn Vy Thanh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
227	25127119	Nguyễn Tấn Phúc	Công nghệ thông tin
228	23127481	Lê Quốc Thiện	Công nghệ thông tin
229	23127485	Phạm Quang Thịnh	Công nghệ thông tin
230	22125090	Nguyễn Ngọc Duy Tân	Công nghệ thông tin
231	25127092	Nguyễn Duy Luân	Công nghệ thông tin
232	25137067	Nguyễn Ngọc Thanh Thủy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
233	25125089	Lê Trọng Đại Nghĩa	Công nghệ thông tin
234	25137015	Nguyễn Thế Duy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
235	25137116	Trần Công Lợi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
236	25137006	Võ Nhật Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
237	25137100	Trần Quang Đức	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
238	25137037	Nguyễn Ngọc Bảo Lâm	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
239	25137130	Nguyễn Văn Quang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
240	25207069	Võ Minh Triết	Điện tử - Viễn thông
241	25137072	Trần Ngọc Thanh Trúc	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
242	25137049	Bùi Trần Trọng Nghĩa	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật

243	25137087	Trương Bảo Tiến	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
244	25137021	Nguyễn Ngọc Hưng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
245	25137048	Lương Thị Thùy Nga	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
246	25137059	Hoàng Minh Tài	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
247	25137044	Trịnh Đức Mạnh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
248	24130037	Nguyễn Đăng Khoa	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
249	25137034	Lê Nguyễn Kiều Khanh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
250	25137058	Đinh Đỗ Hương Quỳnh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
251	25137005	Trần Hoài Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
252	25207049	Vũ Viết Nhân	Điện tử - Viễn thông
253	25127134	Nguyễn Thành Tài	Công nghệ thông tin
254	25127204	Phan Anh Kiệt	Công nghệ thông tin
255	25127232	Trương Đức Quân	Công nghệ thông tin
256	25127098	Nguyễn Đăng Hoàng Ngân	Công nghệ thông tin
257	25127440	Huỳnh Chí Nhân	Công nghệ thông tin
258	25127344	Nguyễn Khánh Hưng	Công nghệ thông tin
259	25127242	Lưu Minh Tiến	Công nghệ thông tin
260	25127230	Đặng Nguyễn Yến Phương	Công nghệ thông tin
261	24247127	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	Hóa học
262	24247062	Nguyễn Khánh Hà	Hóa học
263	24127121	Nguyễn Tiến Thành	Công nghệ thông tin
264	25177062	Đinh Nguyễn Vy Trân	Môi trường
265	25177071	Nguyễn Tường Vy	Môi trường
266	25177053	Nguyễn Văn Phát	Môi trường
267	25197055	Phạm Thiện Nhân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
268	25137063	Nguyễn Minh Thi	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
269	25137145	Hồ Nguyên Kha	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
270	25197018	Đặng Thiên Long	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
271	25177003	Phan Tùng Bách	Môi trường
272	25177045	Dương Hoàng Anh Khang	Môi trường
273	25177014	Nguyễn Thị Mai Liên	Môi trường
274	25177001	Nguyễn Nguyên Anh	Môi trường
275	25197063	Lưu Đoàn Triết	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
276	25197050	Hoàng Nguyên Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

277	24247064	Trương Ngọc Gia Hân	Hóa học
278	25197013	Trần Quang Gia Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
279	25197070	Phạm Quốc Trung	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
280	25207109	Nguyễn Hữu Hoàng Phúc	Điện tử - Viễn thông
281	25207070	Dương Anh Tuấn	Điện tử - Viễn thông
282	24197020	Đặng Kiến Quốc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
283	25127529	Nguyễn Minh Trí	Công nghệ thông tin
284	25127132	Bùi Hữu Tấn Tài	Công nghệ thông tin
285	24250091	Phạm Hữu Phước	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
286	25137028	Vũ Đức Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
287	25197048	Nguyễn Tấn Hùng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
288	24130172	Trần Nguyễn Minh Hằng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
289	25190056	Nguyễn Khang Nguyên	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
290	23130073	Vũ Thị Thanh Thảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
291	25190032	Nguyễn Hữu Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
292	23130230	Phạm Huỳnh Thụy Thảo	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
293	24210009	Nguyễn Hữu Thắng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
294	24190015	Lê Minh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
295	24250029	Nguyễn Thiên Bảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
296	25190103	Huỳnh Anh Tú	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
297	25190138	Trương Thành Luân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
298	25220001	Nguyễn Hoài An	Môi trường
299	25190127	Trần Trung Hiếu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
300	25220012	Nguyễn Bảo Danh	Môi trường
301	24190162	Võ Tuyết Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
302	25190162	Trần Nguyên Trí	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
303	22170022	Bùi Chí Hiếu	Môi trường

304	25250150	Dương Nguyễn Nhật Tiến	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
305	22170048	Phùng Kim Oanh	Môi trường
306	23170087	Trần Minh Triết	Môi trường
307	22170058	Võ Hồng Thắm	Môi trường
308	25120426	Trần Đình Quang	Công nghệ thông tin
309	22250044	Hồ Nhật Tân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
310	24110028	Lê Thành Khánh	Toán - Tin học
311	24110071	Nguyễn Minh Tuấn	Toán - Tin học
312	24190011	Phạm Duy Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
313	24130100	Phạm Xuân Hải	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
314	24220010	Huỳnh Như Thủy	Môi trường
315	24220002	Dương Thuý Bình	Môi trường
316	24170020	Trương Tấn Tài	Môi trường
317	24220009	Lê Ngọc Minh Thu	Môi trường
318	24220017	Đỗ Thị Tường Vy	Môi trường
319	24170003	Nguyễn Lâm Ngân Bình	Môi trường
320	24170063	Lê Thị Cẩm Giang	Môi trường
321	23190018	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
322	25110214	Nguyễn Hoàng Lâm	Toán - Tin học
323	24170011	Trần Doãn Hoàng Nam	Môi trường
324	24120433	Lê Tấn Tài	Công nghệ thông tin
325	25110198	Lê Đỗ Bảo Duy	Toán - Tin học
326	23200066	Trần Hoàng Bảo	Điện tử - Viễn thông
327	23200051	Mai Phước Trí	Điện tử - Viễn thông
328	24120291	Trần Võ Tấn Dũng	Công nghệ thông tin
329	25190104	Ngô Hoàng Uy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
330	25190110	Đồng Gia Bảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
331	25190131	Hồ Nhựt Huy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
332	25190106	Nguyễn Ngọc Đức Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
333	25190134	Chu Phước Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
334	25190096	Lê Thị Thùy Linh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

335	25190136	Phạm Duy Khương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
336	25190091	Nguyễn Ngọc Như Ý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
337	25190115	Lê Huỳnh Chánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
338	25190109	Võ Ngọc Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
339	25210011	Võ Duy Khánh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
340	25190121	Đặng Thị Thùy Dương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
341	25170025	Hồ Kim Hưng	Môi trường
342	25190150	Đào Minh Phúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
343	25190166	Lê Quốc Vương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
344	25190153	Xính Cá Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
345	25190135	Lê Nguyễn Hoàng Khanh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
346	25190152	Hồ Võ Thanh Sơn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
347	25210034	Đàm Huy Hoàng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
348	24280090	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	Toán - Tin học
349	23230001	Đỗ Nhật Khánh An	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
350	23260056	Trương Hoài Vỹ	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
351	24250063	Nguyễn Anh Khoa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
352	23260051	Nguyễn Duy Anh Tuấn	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
353	24120400	Phan Lê Thành Nhân	Công nghệ thông tin
354	23200091	Nguyễn Huỳnh Khang	Điện tử - Viễn thông
355	23260026	Võ Hoàng Minh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
356	25150029	Võ Thị Bảo Hân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
357	25190054	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
358	25150028	Lê Ngọc Khánh Hân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
359	25120069	Phạm Viết Huy	Công nghệ thông tin
360	24130088	Phạm Trung Vinh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật

361	25120076	Nguyễn Quốc Khánh	Công nghệ thông tin
362	24130167	Phạm Thùy Dương	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
363	24130135	Nguyễn Ngọc Lan Anh	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
364	25120041	Trần Hoàng Trí Dũng	Công nghệ thông tin
365	24130065	Chen, Pin-Yu	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
366	25120043	Nguyễn Lê Hoàng Dương	Công nghệ thông tin
367	25120056	Nguyễn Chánh Anh Hiếu	Công nghệ thông tin
368	25120036	Lý Thiên Đức	Công nghệ thông tin
369	25110210	Nguyễn Minh Khôi	Toán - Tin học
370	24197037	Nguyễn Hải Thành	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
371	23120238	Lưu Tài Đức	Công nghệ thông tin
372	24197041	Ngô Văn Ly	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
373	25120059	Nguyễn Đức Hòa	Công nghệ thông tin
374	25120016	Nguyễn Tuấn An	Công nghệ thông tin
375	25120048	Lâm Bảo Duy	Công nghệ thông tin
376	24130192	Nguyễn Quang Huy	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
377	24130278	Lê Quang Trung	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
378	22250039	Nguyễn Hà Phương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
379	24130188	Nguyễn Duy Hùng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
380	24130223	Nguyễn Trọng Nam	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
381	24130256	Lê Thành Tâm	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
382	24130229	Trần Thanh Nguyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
383	24130228	Nguyễn Viết Khôi Nguyên	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
384	24130107	Lê Thanh Huyền	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
385	25280018	Hà Việt Hoàng	Toán - Tin học
386	25170104	Phan Ngọc Minh Quân	Môi trường
387	25250062	Nguyễn Võ Mai Quỳnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
388	23130052	Lê Minh Trí	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
389	23280019	Nguyễn Hồng Thảo Minh	Toán - Tin học
390	23280088	Trương Minh Tiên	Toán - Tin học
391	23280007	Nguyễn Quang Lập	Toán - Tin học
392	25180191	Trần Thị Thu Huyền	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
393	25180209	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học

394	25180227	Phạm Trần Hoàng Vũ	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
395	24130018	Lê Hữu Hoàng	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
396	22190090	Nguyễn Duy Triết	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
397	25180164	Hồ Lê Bảo Trân	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
398	22190001	Võ Thúy An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
399	22190092	Huỳnh Diệu Trinh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
400	25250146	Bùi Thiện Huy Thịnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
401	25250108	Huỳnh Thị Bích Ngân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
402	22190078	Lý Ngọc Thắm	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
403	22250050	Nguyễn Thị Phước Thọ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
404	22250043	Trần Quốc Sơn	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
405	22190021	Bùi Minh Giang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
406	22190032	Trần Ánh Hồng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
407	22190045	Nguyễn Yến Linh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
408	25180224	Bùi Bá Trung	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
409	23130205	Đỗ Thu Phương	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
410	24110102	Hoàng Phương Thảo	Toán - Tin học
411	25250053	Tạ Mỹ Nhi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
412	25250037	Phạm Khánh Linh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
413	24110248	Huỳnh Đông Thơ	Toán - Tin học
414	25140032	Lê Việt Hùng	Hóa học
415	24180183	Nguyễn Trường Thịnh	Sinh Học - Công Nghệ Sinh Học
416	24110054	Dương Thị Mỹ Tâm	Toán - Tin học
417	25127294	Ngô Tấn Đạt	Công nghệ thông tin

418	22190065	Nguyễn Hoàng Phúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
419	22190048	Nguyễn Chí Lực	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
420	22190080	Vũ Đức Thành	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
421	22190091	Nguyễn Duy Minh Triết	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
422	25127039	Hoàng Nguyễn Nam Duy	Công nghệ thông tin
423	24207092	Nguyễn Trung Hiếu	Điện tử - Viễn thông
424	25137031	Đoàn Chính Khang	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
425	24137051	Trần Công Hiệp	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
426	25247100	Nguyễn Đức An	Hóa học
427	25137141	Lê Minh Triết	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
428	25127412	Trương Hoàng Long	Công nghệ thông tin
429	23210011	Cao Mạnh Nhất	Vật Lý - Vật Lý Kỹ Thuật
430	25190075	Nguyễn Phạm Huyền Thy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
431	25197042	Phạm Bảo Anh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
432	25250075	Lưu Nguyễn Song Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
433	25250154	Phan Thanh Triều	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
434	25250069	Hoàng Kim Tân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
435	25250048	Đặng Huỳnh Bảo Ngọc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
436	25250151	Quách Phước Tiền	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
437	25190038	Đinh Mai Khuê	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
438	25190156	Cao Đức Thịnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

Danh sách gồm có **438** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2025

TM. LIÊN CHI HỘI KHOA

Người lập bảng

**VẬT LÝ – VẬT LÝ KỸ THUẬT
LIÊN CHI HỘI TRƯỞNG**

Nguyễn Nhật Đăng

Nguyễn Nhật Đăng